DỰ KIẾN - DANH MỤC NGÀNH TUYỂN SINH, TỔ HỢP XÉT TUYỂN VÀ NGƯỠNG ĐIỂM NỘP HỒ SƠ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH THU HÚT THEO THƯ GIỚI THIỆU CỦA HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT (ĐỐI TƯỢNG 1) NĂM 2023

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển *(môn*2 là môn nhân hệ số 2)*	Điều kiện ĐTB 5HK từng môn trong tổ hợp	Điều kiện môn học	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ
CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN						
1	7760101	Công tác xã hội	Văn*2, Anh, Sử	7,0		28
2	7850201	Bảo hộ lao động	Toán*2, Anh, Sinh	7,0		28
3	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường nước)	Toán*2, Anh, Sinh	7,0		28
4	7440301	Khoa học môi trường	Toán*2, Anh, Sinh	7,0		28
5	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	Toán*2, Anh, Lý	7,0		28
6	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Toán*2, Anh, Lý	7,0		28
CHƯƠNG TRÌNH HỌC TẠI PHÂN HIỆU KHÁNH HÒA						
1	N7220201	Ngôn ngữ Anh - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	Toán, Văn, Anh*2	7,0		28
2	N7340115	Marketing - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	Toán, Văn, Anh*2	7,0		28
3	N7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	Toán, Văn, Anh*2	7,0		28
4	N7340301	Kế toán - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	Toán*2, Văn, Anh	7,0		28
5	N7380101	Luật - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	Văn*2, Anh, Sử	7,0		28
6	N7310630	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và lữ hành) - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	Văn*2, Anh, Sử	7,0		28
7	N7480103	Kỹ thuật phần mềm - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	Toán*2, Anh, Lý	7,0		28

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH

a) **Yêu cầu về tiếng Anh đầu vào**:

- Thí sinh nước ngoài ở các nước có ngôn ngữ chính là tiếng Anh không yêu cầu Chứng chỉ tiếng Anh đầu vào quốc tế;
- Thí sinh Việt Nam và thí sinh ở các nước không có ngôn ngữ chính là tiếng Anh: phải có Chứng chỉ IELTS **5.0** trở lên hoặc tương đương (có giá trị từ ngày 01/10/2021 và còn giá trị đến ngày 01/10/2023); hoặc phải dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu khóa bằng Hệ thống đánh giá năng lực tiếng Anh theo

chuẩn quốc tế của TDTU để được xác nhận đủ điều kiện tiếng Anh theo học chương trình (trừ Ngành ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ tiếng Anh theo quy định của TDTU).

b) **Ngoại lệ**:

- Nếu tiếng Anh chưa đạt các chuẩn trên, thí sinh có thể đăng ký vào chương trình dự bị tiếng Anh. Thời gian học Chương trình dự bị tiếng Anh từ **nửa năm đến 1 năm** tùy năng lực đầu vào qua kết quả đánh giá đầu vào xếp lớp của TDTU.
- Sau thời gian học Chương trình dự bị tiếng Anh, nếu vẫn chưa đạt chuẩn tiếng Anh IELTS **5.0** hoặc tương đương; người học có thể thôi học hoặc có thể xin chuyển sang các chương trình Chất lượng cao, Chương trình tiêu chuẩn (nếu vẫn bảo đảm được các tiêu chí tuyển sinh đầu vào tương ứng của các ngành/chương trình này).

Trường hợp số lượng thí sinh nhập học đủ điều kiện học chính thức ít hơn sĩ số tối thiểu để mở lớp, người học được tư vấn để bảo lưu kết quả tuyển sinh, hoặc chuyển qua các ngành/chương trình khác (nếu đáp ứng được tiêu chí tuyển đầu vào của ngành/chương trình đó).

TT	Mã ngành	Tên ngành	Công thức tính điểm nhận hồ sơ (ĐXT 5HK TBHK)	Điều kiện	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ
1	FA7420201	Công nghệ sinh học - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*	ĐXT 5HK TBHK = (HK1 L10 + HK2 L10 + HK1 L11 + HK2 L11 + HK1 L12)*4/5 + Điểm khuyến khích học tập (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.0 hoặc tương đương	26
2	FA7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*			26
3	FA7580201	Kỹ thuật xây dựng - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*			26
4	FA7340301	Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*			26
5	FA7340201	Tài chính ngân hàng - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*			26
6	FA7310630Q	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và Quản lý du lịch) - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*			26

<u>Lưu ý công thức tính điểm:</u>

+ **Điểm trung bình 5 học kỳ của môn học** (làm tròn đến 2 chữ số thập phân):

ĐTB 5HK mh = (ĐTBmh HK1 + ĐTBmh HK2 + ĐTBmh HK3 + ĐTBmh HK4 + ĐTBmh HK5)/5

+ **Điểm xét tuyển 5 học kỳ theo tổ hợp môn (ĐXT 5HK THM):** là Tổng điểm trung bình 5 học kỳ của các môn theo Tổ hợp xét tuyển; cộng với điểm ưu tiên theo trường THPT và cộng Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực, điểm khuyến khích học tập (hệ số trường THPT, thành tích học sinh giỏi). Điểm này dùng để xét tuyển cho chương trình tiêu chuẩn, chương trình chất lượng cao, chương trình học tại phân hiệu Khánh Hòa.

ĐXT 5HK THM = ĐTB 5HK mh1 + ĐTB 5HK mh2 + ĐTB 5HK mh3 * 2 + Điểm khuyến khích học tập (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

+ Điểm xét tuyển 5 học kỳ theo điểm trung bình học kỳ (ĐXT 5HK TBHK): là Tổng điểm trung bình 5 học kỳ*4/5 (quy về thang điểm 40) cộng Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực, điểm khuyến khích học tập *(hệ số trường THPT, thành tích học sinh giỏi).* Điểm này dùng để xét tuyển cho chương trình đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

ĐXT 5HK TBHK = (ĐTB HK1 L10 + ĐTB HK2 L10 + ĐTB HK1 L11 + ĐTB HK2 L11 + ĐTB HK1 L12) * 4/5 + Điểm khuyến khích học tập (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

+ Thang điểm xét tuyển là thang 40 điểm, làm tròn đến 02 chữ số thập phân;
+ Trong đó, Điểm hệ số trường THPT do TDTU qui định (trường chuyên/năng khiếu được cộng 2,0; trường trọng điểm được cộng 1,0);
+ Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (quy về thang điểm 40) bằng 4/3 lần điểm ưu tiên theo qui định của Bộ GD&ĐT, điểm khuyến khích học tập được quy định tại bảng sau. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 30,0 (thang 40) trở lên được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên (thang 40) = [(40 – Tổng điểm đạt được)/10] x Mức điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.

Bảng quy định điểm ưu tiên, điểm khuyến khích học tập

Đối tượng	Điểm cộng thang 30	Điểm cộng thang 40	Lưu ý
1. Khu vực ưu tiên			- Điểm cộng hệ số trường THPT và Điểm ưu tiên thành tích học sinh giỏi mục 4,5,6,7 chỉ dành cho Phương thức 1 và 3. - Thí sinh có thành tích thuộc cả nội dung 4 và 5 chỉ được cộng một điểm cộng ưu tiên cao nhất. - Điểm cộng mục 4, 5, 6 được xét cộng cho các ngành xét tuyển theo từng môn/lĩnh vực dự thi của thí sinh quy định trong phụ lục đính kèm.
KV 1	0.75	1	
KV 2NT	0.5	0.67	
KV 2	0.25	0.33	
KV 3	0	0	
2. Đối tượng ưu tiên			
01	2	2.67	
02	2	2.67	
03	2	2.67	
04	2	2.67	
05	1	1.33	
06	1	1.33	
07	1	1.33	
3. Hệ số trường THPT (α)			
Trường chuyên		2	
Trường Trọng điểm		1	
Trường thường		0	
4. Giải HSG Quốc gia			
01		1.5	
02		1.25	
03		1	
04/KK		0.75	
5. Giải HSG tỉnh/TP			
01		0.75	

Đối tượng	Điểm cộng thang 30	Điểm cộng thang 40	Lưu ý
02		0.5	
03		0.25	
6. Giải KHKT Quốc gia			
01		1.5	
02		1.25	
03		1	
04/KK		0.75	
7. HSG 3 năm THPT - Xét 5HK: Học lực cả năm lớp 10, 11, HK1 L12 - Xét 6HK: Học lực cả năm lớp 10, 11, 12		0.25	

Thí dụ 1: Điểm xét tuyển 5 học kỳ theo điểm trung bình học kỳ.

ĐTB HK1 Lớp 10	ĐTB HK2 Lớp 10	ĐTB HK1 Lớp 11	ĐTB HK2 Lớp 11	ĐTB HK1 Lớp 12
8,0	8,2	7,9	7,8	8,0
ĐXT 5HK TBHK = (8,0 + 8,2 + 7,9 + 7,8 + 8,0) * 4/5 + Điểm khuyến khích học tập (nếu có) + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có).				

Thí dụ 2: Điểm xét tuyển 5 học kỳ theo tổ hợp môn với tổ hợp xét tuyển là Toán, Văn, Anh*2

Môn	ĐTBmh HK1 Lớp 10	ĐTBmh HK2 Lớp 10	ĐTBmh HK1 Lớp 11	ĐTBmh HK2 Lớp 11	ĐTBmh HK1 Lớp 12	ĐTB 05HK mh
Toán	7,8	7,9	7,9	8,0	8,1	**7,94**
Văn	7,0	7,3	7,4	7,5	7,6	**7,36**
Anh	8,0	8,3	7,9	8,0	8,3	**8,10**
ĐTB 5HK Toán = (7,8 + 7,9 + 7,9 + 8,0 + 8,1)/5 = 7,94; tương tự cho các môn Văn, Anh. **ĐXT 5HK THM=** 7,94 + 7,36 + 8,10 + Điểm khuyến khích học tập (nếu có) + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có).						